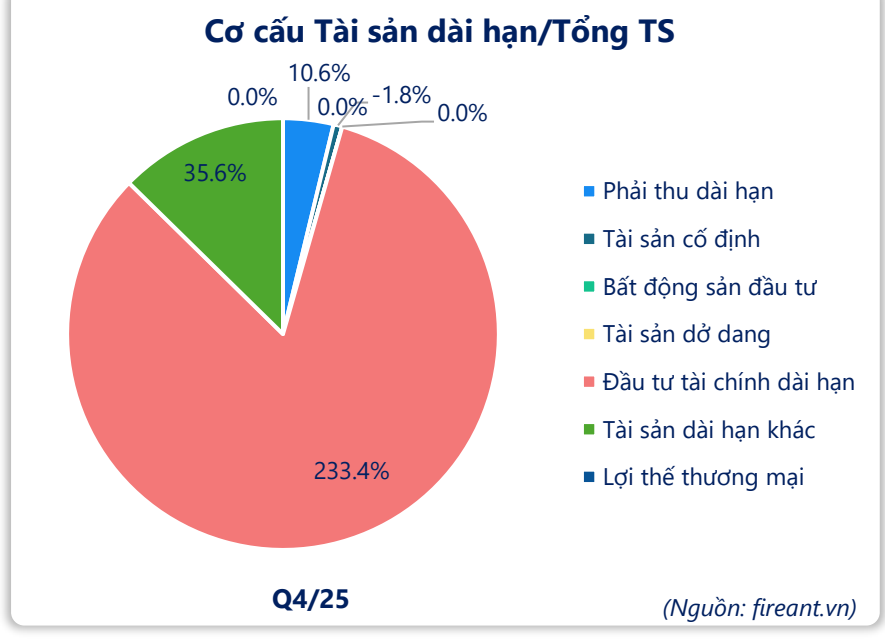
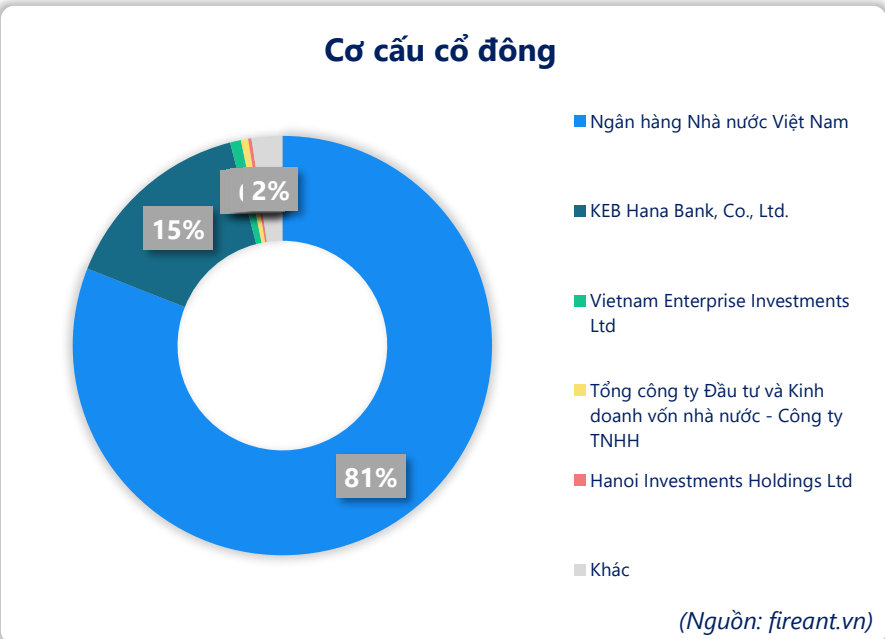
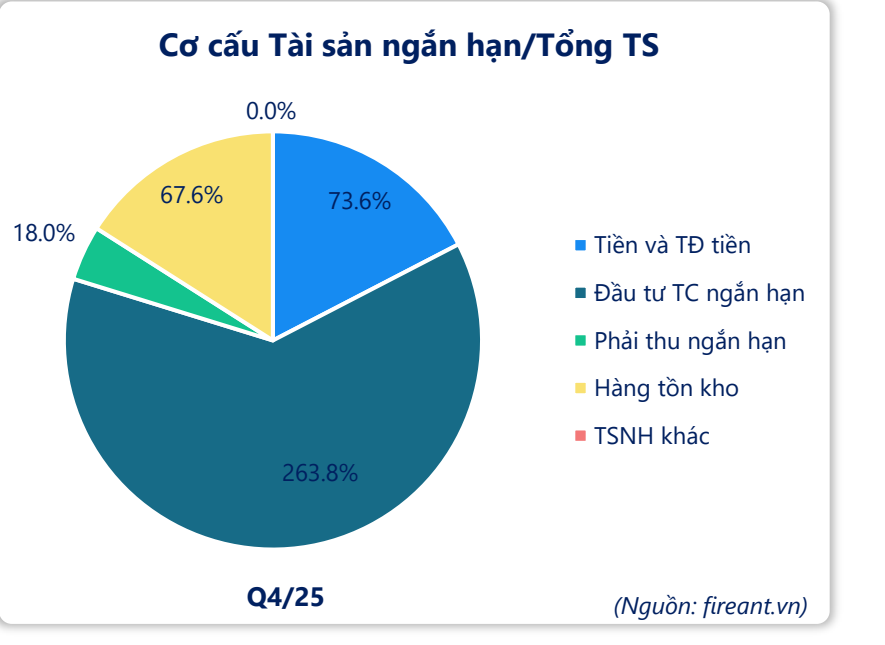
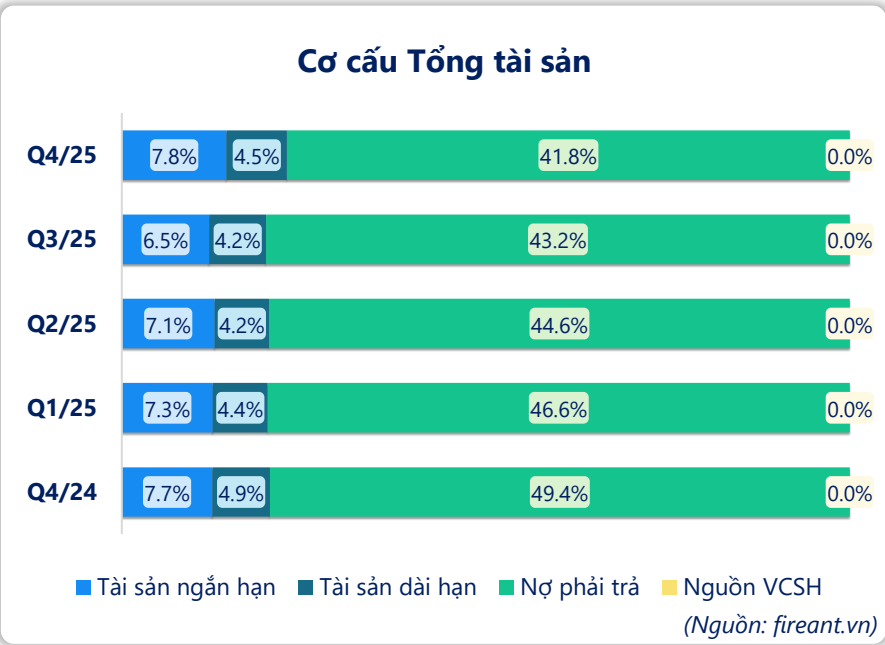
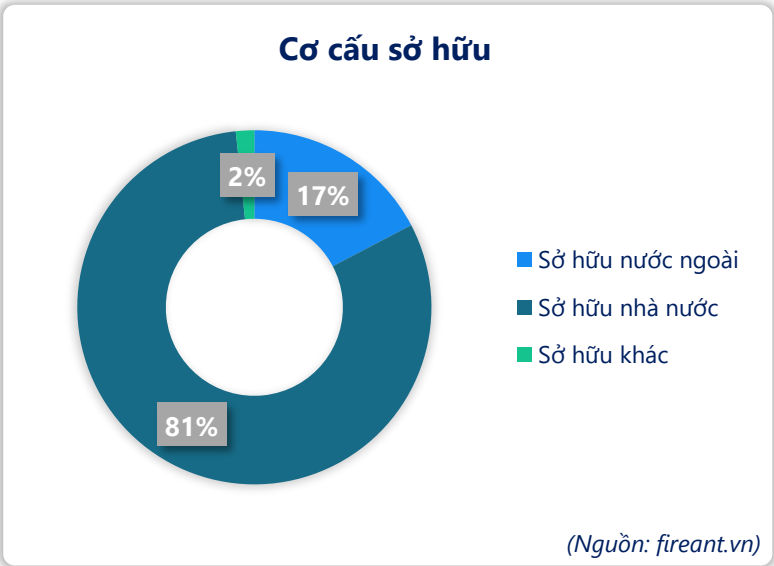
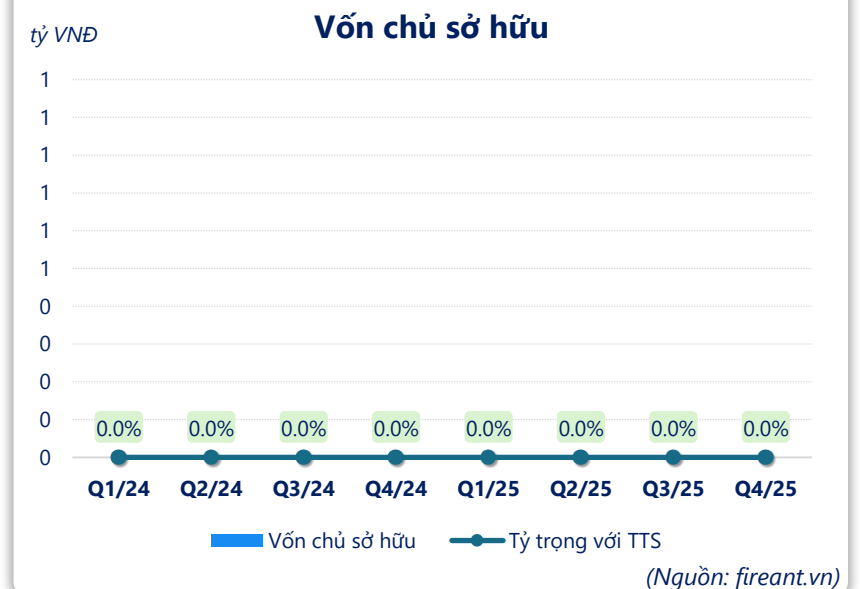
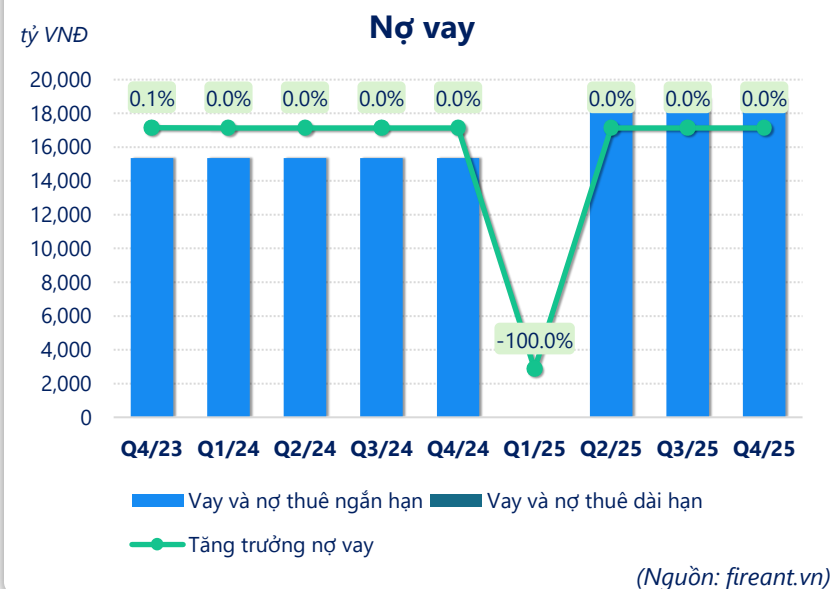
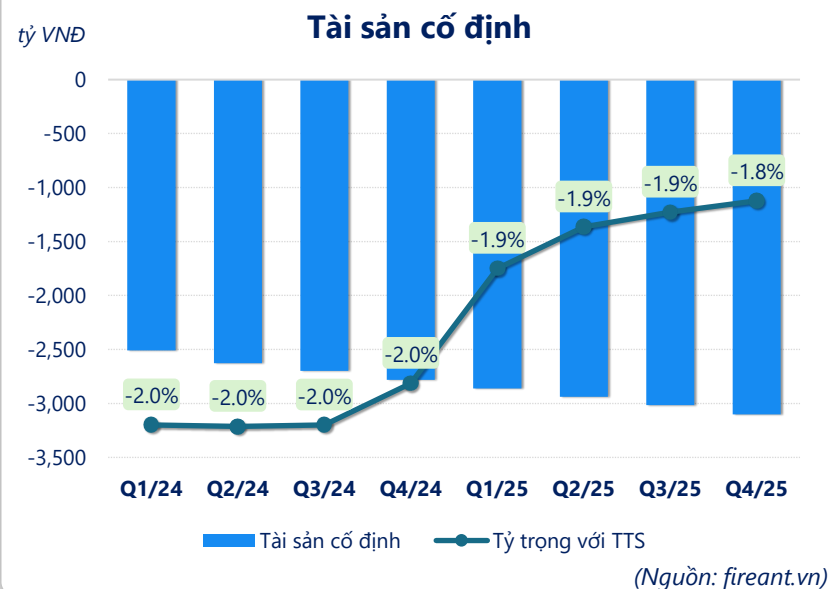
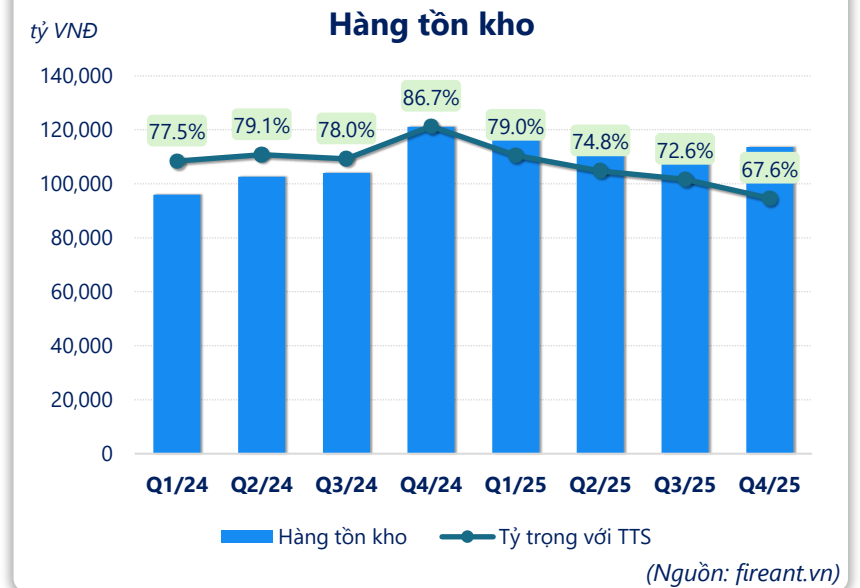
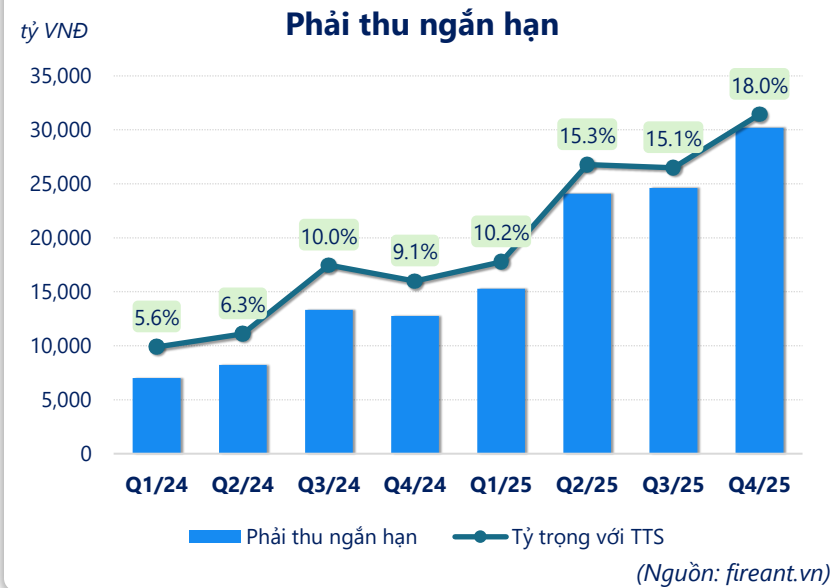
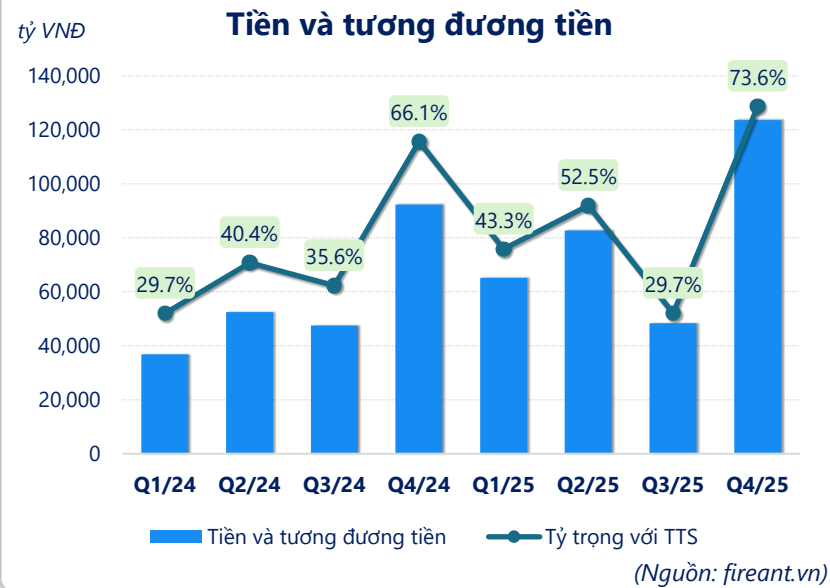
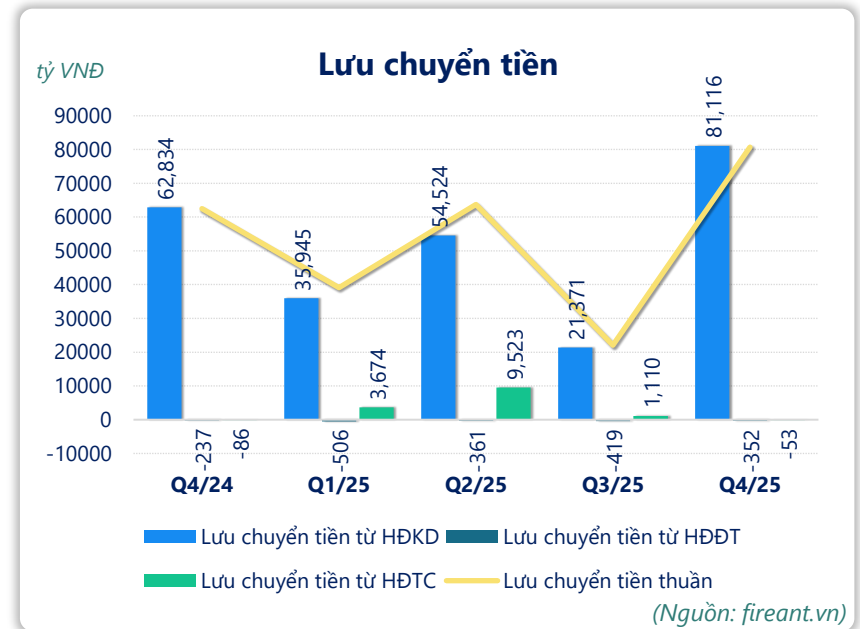
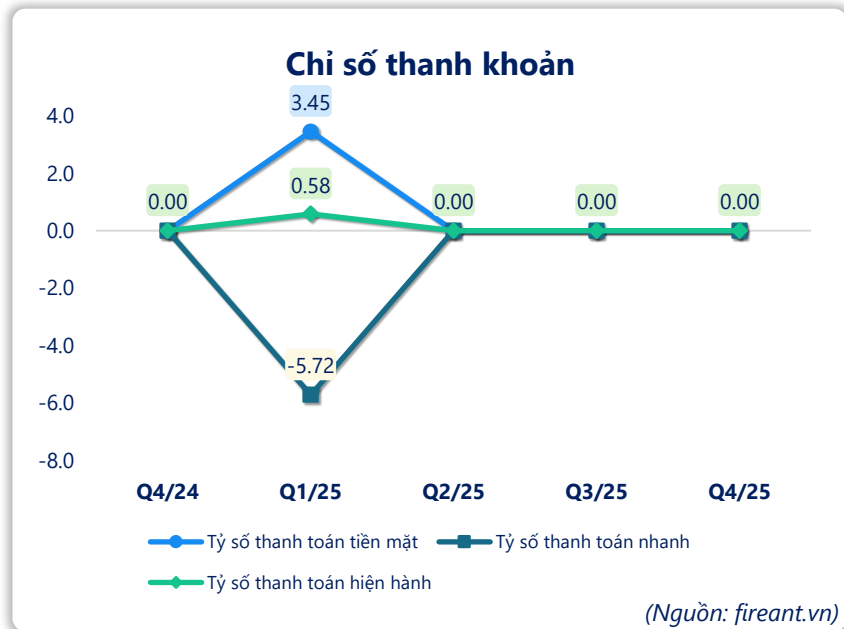
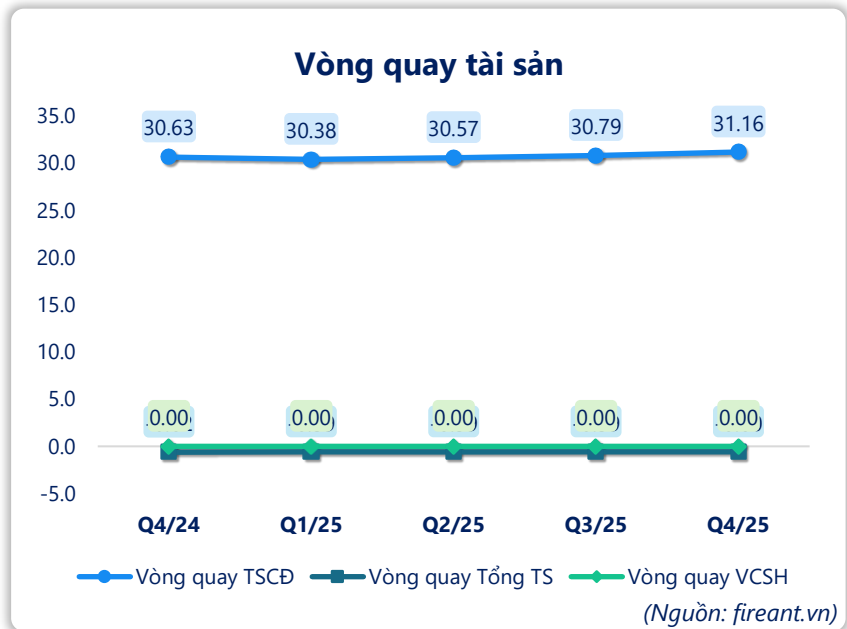
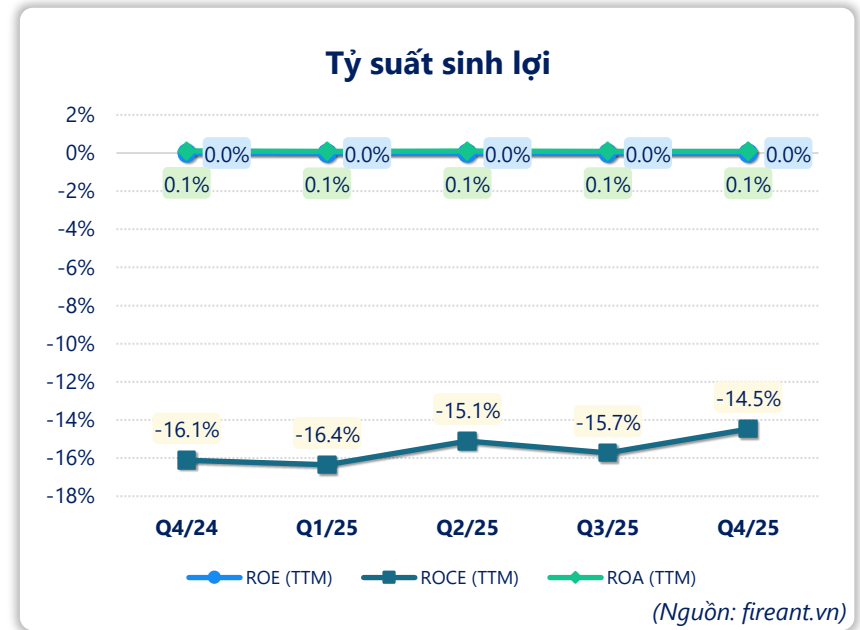
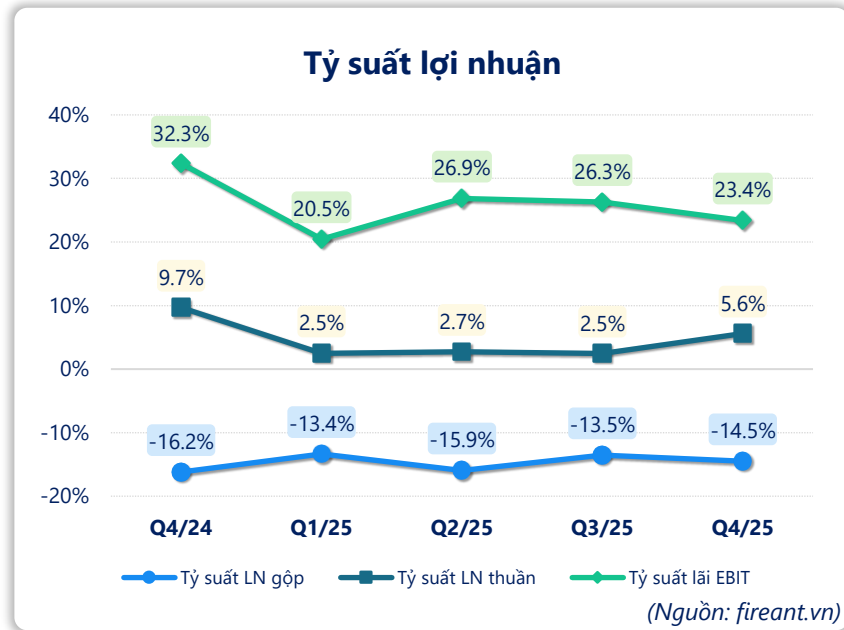
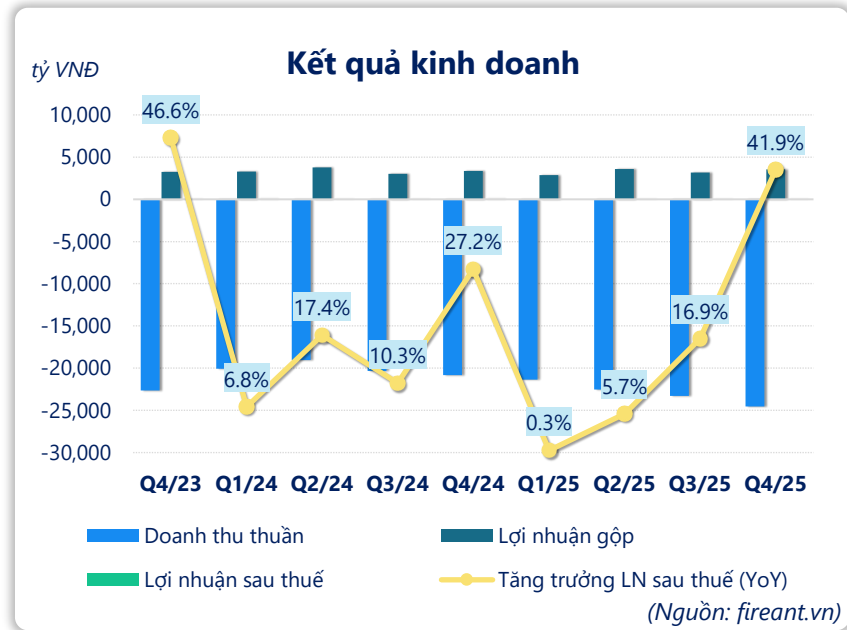


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,021
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,093
SL cổ phiếu LH		7,021,361,917
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,299,438
% sở hữu nước ngoài		17.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		273,131
P/E		9.1
EPS		4,267

	YTD	1T	3T	6T
BID	3.0%	1.8%	-2.9%	4.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	168,045	139,563	20.4%
Tài sản ngắn hạn	13,075	10,773	21.4%
Tiền và tương đương tiền	123,630	92,341	33.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	443,326	268,366	65.2%
Phải thu ngắn hạn	30,184	12,773	136%
Hàng tồn kho	113,629	121,120	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	7,541	6,844	10.2%
Phải thu dài hạn	17,866	16,745	6.7%
Tài sản cố định	-3,103	-2,783	-11.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	392,249	205,611	90.8%
Tài sản dài hạn khác	59,820	50,533	18.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70,214	68,789	2.1%
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18,876	15,361	22.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-20,831	-21,341	-22,535	-23,272	-24,550
Giá vốn hàng bán	1,970	1,539	1,887	1,734	1,786
Lợi nhuận gộp	3,372	2,849	3,591	3,153	3,558
Doanh thu HĐTC	-1,403	-1,310	-1,704	-1,419	-1,772
Chi phí TC	1,439	864	1,357	965	619
Chi phí lãi vay	103	214	47.3	66.6	391
LN trong công ty LKLD	5,164	-5.01	798	517	952
Chi phí bán hàng	1,987	1,216	2,898	2,555	6,472
Chi phí QLDN	4,003	1,746	3,513	3,127	7,850
LN thuần từ HĐKD	-2,016	-530	-615	-572	-1,378
Lợi nhuận khác	16,871	11,992	14,724	13,780	20,365
LN trước thuế	-6,841	-4,578	-6,098	-6,186	-6,135
Lợi nhuận sau thuế	-2.11	0	5.65	5.98	2.19
LNST của CĐ cty mẹ	137	115	143	134	134

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	62,834	35,945	54,524	21,371	81,116
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-237	-506	-361	-419	-352
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.8	3,674	9,523	1,110	-52.8
Tiền đầu kỳ	262,085	324,724	363,837	427,523	449,585
Lưu chuyển tiền thuần	62,512	39,113	63,686	22,062	80,711
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	324,597	363,837	427,523	449,585	530,296

(Nguồn: fireant.vn)